

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/4/2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số TDP, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Tuấn L, Luật sư Văn phòng luật sư; địa chỉ: Thôn, xã, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số TDP, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/10/2023 và qua quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2012 tại UBND xã X, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau một thời gian dần

đến xung đột, cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm ai không thể duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Mong Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Theo chị T trình bày chị và anh T có 02 con chung Phạm Văn Ph, sinh ngày 09/02/2013, Phạm Huyền Ch, sinh ngày 09/01/2015. Từ khi vợ chồng ly thân 02 cháu ở cùng anh T tại nhà bố mẹ anh T, chị chu cấp tiền nuôi con cho anh T, nguyện vọng chị xin được nuôi 02 cháu, yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà chị trình bày hai cháu hiện nay ở cùng anh T và mẹ anh T từ khi vợ chồng ly thân nhau cho tới nay, hai cháu đã ổn định cuộc sống về mọi mặt. Do đó, đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng chị đóng góp tiền nuôi con cho anh T 2.000.000 đồng một tháng.

- Về chia tài sản: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Phạm Văn T*: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập nhưng anh T không có mặt nên không có ý kiến. Toà án đã đến nhà anh T để xác minh tại biên bản ngày 11/01/2024 nhưng anh T không có mặt tại nhà mà mẹ anh T bà Phạm Thị H cho biết việc chị T làm đơn xin ly hôn anh T đã biết, anh không đồng ý ly hôn. Còn những việc khác bà không biết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện việc triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Việc ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi mở phiên tòa được thực hiện đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ.

- Đề nghị HĐXX, áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ly hôn giữa chị T và anh T. Giao cháu Ph và cháu Ch cho anh T nuôi dưỡng, chị T đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, có quyền kháng cáo theo quy định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Tâm có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh T, anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Đồng Hới. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh, chị theo quy định của pháp luật. Chị T có mặt, anh T vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai anh T tiếp tục vắng mặt HDXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2012 tại UBND xã X, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo giấy đăng ký kết hôn số 06/2012, quyển số 01/2012 việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Tại phiên toà chị T xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm của chị và anh ngày càng lạnh nhạt, hai bên đã cố gắng nhưng không có kết quả đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh T vắng mặt, tuy nhiên theo mẹ anh T cho biết anh T không muốn ly hôn. Anh T không muốn ly hôn nhưng anh không có biện pháp khắc phục, khi Toà án thông báo hoà giải anh không có mặt hơn nửa anh, chị ly thân từ năm 2019 ai đều có cuộc sống riêng của mình không quan tâm đến nhau. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh T có nhiều mâu thuẫn, sống không hợp tính, sống ly thân 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, ai tự lo cuộc sống riêng cho mình. Xác định được tình trạng hôn nhân của chị và anh không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Theo chị T trình bày chị và anh T có 02 con chung Phạm Văn Ph, sinh ngày 09/02/2013, Phạm Huyền Ch, sinh ngày 09/01/2015.

Tại phiên toà chị T đồng ý giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng theo chị T, anh T chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu từ năm 2019 cho tới nay, hai cháu sinh hoạt ổn định. Anh T vắng mặt tại phiên toà nhưng anh đã chăm sóc hai cháu từ năm 2019. Hội đồng xét xử thấy việc chị T đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng thấy phù hợp điều kiện sinh hoạt hiện tại của hai cháu. Cho nên giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng, buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T 2.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 04/2024 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về chia tài sản: Chị T, khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí nuôi con định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001697 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Còn thiếu 300.000 đồng buộc chị T nộp đủ để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Văn Ph, sinh ngày 09/02/2013, Phạm Huyền Ch, sinh ngày 09/01/2015 cho anh Phạm Văn T, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị Lê Thị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh T 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Chị Lê Thị T khai không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí nuôi con định kỳ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001697 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Còn thiếu 300.000 đồng buộc chị T nộp tiếp, để nộp ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 02/4/2024, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Xuân Trạch,
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc